HIỆP ĐỊNH
GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
NƯỚC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ
ĐỂ TIẾP TỤC THI HÀNH ÁN

Lời mở đầu

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Bê-la-rút, sau đây gọi là "Các Bên ký kết",

Trên cơ sở lợi ích chung nhằm tăng cường hợp tác có hiệu quả trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án để tiếp tục thi hành hình phạt,

Căn cứ các nguyên tắc về chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Định nghĩa

Vì mục đích của Hiệp định này, các thuật ngữ được đề cập dưới đây có nghĩa là:

a) Bên chuyển giao là Bên ký kết mà tòa án nước đó đã thông qua bản án tước tự do đối với người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao;

b) Bên nhận là Bên ký kết mà người bị kết án là công dân có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt của người đó;

c) Người bị kết án là người có quốc tịch của Bên nhận và đã bị tòa án của Bên chuyển giao kết án hình phạt tước tự do vì thực hiện một tội phạm;

d) Người thân thích được định nghĩa theo pháp luật của một trong các Bên ký kết;

e) Người đại theo pháp luật là người được công nhận là đại diện theo pháp luật theo quy định của một trong các Bên ký kết.

Điều 2
Phạm vi của Hiệp định

1. Theo quy định của Hiệp định này và phù hợp với pháp luật của các Bên ký kết, một Bên ký kết sẽ chuyển giao theo yêu cầu tới Bên kia người bị kết án đang chấp hành án phạt tù do đã phạm tội ở lãnh thổ của Bên chuyển giao để chấp hành phần còn lại của bản án ở Bên nhận.

2. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án có thể được đưa ra bởi cả Bên chuyển giao và Bên nhận.

Điều 3
Cơ sở tiến hành thủ tục chuyển giao người bị kết án

Yêu cầu của người bị kết án, người thân thích, người đại diện theo pháp luật hoặc luật sư của người bị kết án được gửi đến các Cơ quan Trung ương của các Bên ký kết sẽ là cơ sở tiến hành thủ tục chuyển giao người bị kết án cho Bên ký kết mà người đó là công dân.

Điều 4
Cơ quan Trung ương và Cơ quan có thẩm quyền

1. Để thực hiện Hiệp định này, các Bên ký kết sẽ hợp tác trực tiếp thông qua các Cơ quan Trung ương.

2. Cơ quan Trung ương của các Bên ký kết là:

Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Đối với Cộng hòa Bê-la-rút: Văn phòng Tổng chưởng lý Cộng hòa Bê-la-rút.

3. Mỗi Bên ký kết có thể thay đổi Cơ quan Trung ương của mình nhưng phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi đó bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao ngay khi có thể.

4. Cơ quan có thẩm quyền là cơ quan được các Bên ký kết ủy quyền để thực hiện các hoạt động nhất định nhằm thực hiện các quy định của Hiệp định này.

Điều 5
Các điều kiện chuyển giao người bị kết án

1. Người bị kết án có thể được chuyển giao chỉ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Người bị kết án là công dân của Bên nhận;

b) Bản án đối với người bị kết án là cuối cùng và có giá trị ràng buộc và không còn thủ tục tố tụng nào đối với người đó tại Bên chuyển giao;

c) Thời gian còn lại của việc chấp hành hình phạt của người bị kết án là ít nhất 01 năm tại thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao trừ trường hợp các Bên ký kết có thỏa thuận khác;

d) Có sự đồng ý bằng văn bản của người bị kết án hoặc có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người bị kết án trường hợp do tuổi tác, tình trạng thể chất hoặc tinh thần ngăn cản việc tự do bày tỏ sự đồng ý của người đó;

e) Hành vi của người bị kết án cấu thành tội phạm theo pháp luật của các Bên ký kết và bị áp dụng hình phạt tước tự do;

f) Cả Bên chuyển giao và Bên nhận đồng ý với việc chuyển giao người bị kết án;

g) Tất cả các thiệt hại bao gồm tài chính và các thiệt hại khác liên quan đến tội phạm đều đã được bồi thường.

2. Trong các trường hợp ngoại lệ, các Bên ký kết có thể đồng ý chuyển giao người bị kết án ngay cả khi thời gian còn lại của việc chấp hành hình phạt của họ là dưới 01 năm hoặc nếu các thiệt hại về tài chính và các thiệt hại khác liên quan đến tội phạm chưa được hoàn trả ở mức độ đầy đủ.

Điều 6
Cơ sở từ chối chuyển giao

Việc chuyển giao có thể bị từ chối nếu:

a) Một trong các Bên ký kết cho rằng việc chuyển giao người bị kết án làm phương hại chủ quyền, an ninh hoặc trật tự công cộng hoặc vi phạm pháp luật của Bên ký kết đó;

b) Không thể thi hành hình phạt ở Bên nhận do hết thời hiệu;

c) Các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều 5 không được đáp ứng;

d) Tại lãnh thổ của Bên nhận, người bị kết án đã chấp hành xong bản án về thực hiện hành vi hoặc được tuyên trắng án hoặc thủ tục tố tụng hình sự được xóa bỏ hoặc người đó được cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận miễn hình phạt.

Điều 7
Trao đổi thông tin

1. Các Bên ký kết sẽ trao đổi thông tin về tình hình của người bị kết án là công dân của nhau hàng năm hoặc khi có yêu cầu.

2. Mỗi Bên ký kết thực hiện việc thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao (cơ quan lãnh sự) của Bên ký kết kia mà người bị kết án là công dân, người đại diện theo pháp luật và luật sư của người bị kết án về tình trạng và địa chỉ của người bị kết án.

3. Các Bên ký kết sẽ thông báo cho người bị kết án, người đại diện theo pháp luật và luật sư của người bị kết án về các quy định của Hiệp định này và hệ quả pháp lý của việc chuyển giao.

Điều 8
Yêu cầu chuyển giao người bị kết án

1. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án được lập thành văn bản bởi Cơ quan Trung ương của các Bên ký kết.

2. Để xem xét vấn đề liên quan đến chuyển giao người bị kết án, cơ quan Trung ương của Bên chuyển giao sẽ gửi cho Cơ quan Trung ương của Bên nhận những tài liệu sau:

a) Thông tin về người bị kết án bao gồm họ và tên của người đó, tên cha (nếu có), ngày sinh và nơi sinh;

b) Các tài liệu xác nhận quốc tịch của người bị kết án, nếu có;

c) Nội dung các điều luật của pháp luật hình sự mà trên cơ sở đó bản án được xác lập;

d) Văn bản đồng ý chuyển giao của người bị kết án hoặc đại diện theo pháp luật của họ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Hiệp định này;

e) Bản sao bản án và tất cả các phán quyết của tòa án cũng như tài liệu xác nhận bản án có hiệu lực pháp luật;

f) Tài liệu về phần hình phạt đã chấp hành và thời hạn hình phạt còn phải thi hành cũng như việc ân xá, đặc xá hoặc giảm án phù hợp với quy định của Hiệp định này;

g) Chứng nhận y tế về tình trạng sức khỏe và tinh thần của người bị kết án;

h) Thông tin về việc bồi thường các thiệt hại về tài chính hoặc các thiệt hại khác và bao gồm tất cả các chi phí khác liên quan đến tội phạm cũng như ác trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Hiệp định này, thông tin về việc xác nhận thiệt hại về tài chính hoặc thiệt hại khác và các chi phí khác liên quan đến tội phạm, số lượng và thủ tục bồi thường;

i) Tài liệu về việc thực thi các hình phạt bổ sung, nếu bị áp dụng.

3. Để xem xét yêu cầu chuyển giao người bị kết án, Cơ quan Trung ương của Bên nhận sẽ gửi cho Cơ quan Trung ương của Bên chuyển giao những tài liệu sau:

a) Thông tin về nhân thân của người bị kết án bao gồm họ và tên, tên cha, ngày sinh và nơi sinh;

b) Tài liệu xác nhận người bị kết án là công dân của Bên nhận;

c) Nội dung các điều trong pháp luật hình sự của Bên nhận mà theo đó hành động hoặc không hành động của người bị kết án đã cấu thành tội phạm và bị áp dụng hình phạt tước tự do;

d) Bản trích yếu của các tài liệu khác kèm theo về sự đồng ý của cơ quan Trung ương của các Bên ký kết.

4. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án sẽ được ký bởi người đứng đầu hoặc người có thẩm quyền của Cơ quan Trung ương và đóng dấu chính thức. Tất cả các tài liệu khác được cung cấp theo quy định tại Điều này sẽ được ký bởi cơ quan có thẩm quyền của Cơ quan Trung ương hoặc Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết và đóng dấu xác nhận của Cơ quan Trung ương. Tất cả các tài liệu theo quy định tại khoản này sẽ được Bên ký kết kia công nhận mà không cần phải chứng thực.

Điều 9
Xác minh sự tự nguyện đồng ý chuyển giao

1. Bên chuyển giao phải bảo đảm rằng người thể hiện sự đồng ý chuyển giao theo điểm d khoản 1 Điều 5 Hiệp định này một cách tự nguyện và hiểu biết đầy đủ về hệ quả pháp lý của việc đồng ý;

2. Bên nhận có quyền xác định thông qua lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự khác của mình về việc đồng ý chuyển giao người bị kết án theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10
Trả lời yêu cầu chuyển giao

1. Cơ quan Trung ương của Bên ký kết khi nhận được yêu cầu chuyển giao người bị kết án sẽ quyết định đồng ý hoặc từ chối chuyển giao người bị kết án và sẽ thông báo bằng văn bản về quyết định đó cho người bị kết án, người đại diện theo pháp luật của người bị kết án hoặc luật sư cũng như Cơ quan Trung ương của Bên ký kết kia.

2. Quyết định từ chối chuyển giao người bị kết án phải nêu rõ lý do và lý do đưa ra không được khác với các trường hợp được liệt kê tại Điều 5 và Điều 6 Hiệp định này.

Điều 11
Thi hành bản án sau khi chuyển giao

1. Bên nhận sẽ có nghĩa vụ tiếp tục thi hành bản án theo quy định của pháp luật nước mình mà không làm xấu đi tình trạng của người bị kết án. Vấn đề liên quan đến thi hành bản án tại Bên nhận sẽ được thực hiện theo pháp luật của Bên đó.

2. Người bị kết án sẽ thi hành hình phạt trên cơ sở bản án do tòa án của Bên chuyển giao tuyên. Tòa án Bên nhận, căn cứ vào bản án đã được tuyên, sẽ đưa ra quyết định về việc thi hành án theo quy định của pháp luật nước mình cùng thời hạn phạt tù như đã áp dụng đối với bản án của tòa án Bên chuyển giao tuyên.

3. Tòa án Bên nhận sẽ ban hành quyết định thi hành hình phạt bổ sung khi hình phạt đó phù hợp với quy định của pháp luật nước này đối với hành vi đã thực hiện. Việc thi hành hình phạt chưa được chấp hành trước khi chuyển giao người bị kết án cũng như việc miễn toàn bộ hoặc một phần hình phạt sau khi có quyết định về thi hành hình phạt sẽ được thực hiện phù hợp với pháp luật của Bên nhận. Bên nhận có quyền trả tự do cho người bị kết án khỏi việc tiếp tục chấp hành hình phạt trong trường hợp mắc bệnh nghiêm trọng phù hợp với quy định của pháp luật Bên nhận.

4. Nếu hình phạt áp dụng đối với tội phạm được thực hiện ở Bên nhận ngắn hơn so với hình phạt quy định trong bản án đã được ban hành, Bên nhận

sẽ thông qua tòa án có thẩm quyền xác định hình phạt tối đa phù hợp với pháp luật quốc gia mình.

5. Thời hạn của hình phạt mà người bị kết án đã chấp hành tại Bên chuyển giao sẽ được tính vào tổng thời hạn hình phạt của người đó.

6. Nếu hình phạt của tòa án liên quan đến hai hoặc nhiều hành vi, một hoặc một số hành vi không cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên nhận, tòa án Bên nhận sẽ xác định phần nào của hình phạt sẽ được áp dụng đối với hành vi cấu thành tội phạm theo quy định pháp luật Bên nhận.

Điều 12
Thẩm quyền của tòa án

1. Việc xem xét lại bản án của người bị kết án đã được chuyển tới Bên nhận chỉ có thể được thực hiện bởi tòa án của Bên chuyển giao.

2. Trong trường hợp kết thúc vụ án hình sự theo kết quả điều tra mới dựa trên các căn cứ buộc tội hoặc tòa án thông qua bản án "vô tội", Cơ quan Trung ương của Bên nhận được cung cấp bản sao của quyết định đó ngay lập tức. Bên chuyển giao phải bồi thường tất cả những thiệt hại gây ra cho người bị kết án do sự kết án vô căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nước mình.

3. Nếu bản án bị thay đổi bởi tòa án của Bên chuyển giao sau khi hoàn thành việc chuyển giao người bị kết án để tiếp tục chấp hành án, bản sao quyết định này và tất cả các tài liệu quan trọng khác sẽ được gửi tới Cơ quan trung ương của Bên nhận. Tòa án Bên nhận quyết định về việc thi hành quyết định này theo các thủ tục quy định tại Điều 11 Hiệp định này.

4. Sau khi việc chuyển giao người bị kết án để tiếp tục chấp hành án đã hoàn thành, pháp luật của Bên chuyển giao có quy định về thủ tục điều tra hoặc thủ tục tòa án mới, sau khi thực hiện các thủ tục tố tụng cần thiết vắng mặt người bị kết án, Bên chuyển giao gửi bản sao quyết định và các tài liệu của vụ án hình sự và các tài liệu khác cho Bên chuyển giao để thực hiện việc truy tố theo quy định của Bên ký kết này.

Điều 13
Đặc xá, đại xá và giảm hình phạt

Mỗi Bên ký kết phù hợp với pháp luật của nước mình thực hiện việc đặc xá, đại xá hoặc giảm hình phạt đối với người bị kết án. Cơ quan Trung ương

của Bên ký kết này thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Cơ quan Trung ương của Bên ký kết kia về quyết định này.

Điều 14
Thời gian, địa điểm và cách thức chuyển giao

1. Việc chuyển giao người bị kết án sẽ được thực hiện bởi Cơ quan Trung ương hoặc Cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết phù hợp với pháp luật quốc gia.

2. Thời gian, địa điểm và cách thức chuyển giao người bị kết án sẽ được Cơ quan Trung ương hoặc Cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết thống nhất với nhau.

Điều 15
Quá cảnh

1. Mỗi Bên ký kết theo quy định của pháp luật nước mình chấp thuận yêu cầu quá cảnh người bị kết án qua lãnh thổ nước mình nếu Bên ký kết kia đã đạt được thỏa thuận với nước thứ ba về chuyển giao người này.

2. Một Bên ký kết có thể từ chối quá cảnh nếu:

a) Người bị kết án là công dân của Bên ký kết đó;

b) Hành vi mà hình phạt được áp dụng không cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên ký kết đó.

3. Yêu cầu quá cảnh phải bao gồm thông tin được quy định tại điểm a đến điểm g khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 8 Hiệp định này.

Điều 16
Thông tin về thi hành hình phạt

Bên nhận sẽ cung cấp cho Bên chuyển giao thông tin tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Người bị kết án bỏ trốn khỏi nơi giam giữ trước khi hoàn thành thời hạn thi hành án trong lãnh thổ của Bên nhận;

b) Bên chuyển giao yêu cầu thông tin về quá trình chấp hành hình phạt của người bị kết án;

c) Người bị kết án phạt tù được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

d) Khi Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã kết thúc.

Điều 17
Chi phí chuyển giao và quá cảnh

Tất cả các chi phí liên quan đến việc chuyển giao hoặc quá cảnh người bị kết án sẽ do Bên nhận chi trả trừ những chi phí chỉ phát sinh trong lãnh thổ Bên chuyển giao và trong trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

Điều 18
Giải quyết bất đồng

Các Bên ký kết sẽ giải quyết tranh bất đồng về dịch thuật và áp dụng các quy định của Hiệp định này thông qua tham vấn và đàm phán giữa các Cơ quan Trung ương và/hoặc thông qua kênh ngoại giao.

Điều 19
Ngôn ngữ

1. Ngôn ngữ liên hệ giữa Cơ quan Trung ương của các Bên ký kết là tiếng Anh.

2. Yêu cầu chuyển giao, các tài liệu kèm theo và văn bản trả lời được lập bằng ngôn ngữ chính thức của Bên yêu cầu. Các tài liệu này sẽ được dịch sang ngôn ngữ của Bên chuyển giao hoặc tiếng Anh. Văn bản trả lời và các tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên được yêu cầu và kèm theo bản dịch bằng tiếng Anh. Các tài liệu này được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 20
Hồi tố

Các quy định của Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với những người bị kết án đã bị tòa án của các Bên ký kết tuyên án và các yêu cầu đã được gửi trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 21
Sửa đổi

Hiệp định này có thể được sửa đổi dưới sự đồng ý của các Bên ký kết. Các sửa đổi này sẽ tạo thành một phần không thể tách rời nội dung Hiệp định và được ký kết dưới hình thức nghị định thư theo thủ tục được quy định tại Điều 22 Hiệp định này.

Điều 22
Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày các Bên ký kết nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản về việc đã hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này chấm dứt hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày một Bên ký kết nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia qua kênh ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định..

3. Việc chấm dứt Hiệp định sẽ không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Bên ký kết trong việc thực hiện các yêu cầu chuyển giao người bị kết án được đưa ra trong thời gian Hiệp định này có hiệu lực.

LÀM TẠI Hà Nội vào ngày 08/12/2023 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT
THIẾU TƯỚNG NGUYỄN VĂN LONG THỨ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN	ÔNG YURY NAZARANKA THỨ TRƯỞNG THỨ NHẤT BỘ NỘI VỤ

СОГЛАШЕНИЕ

между

Социалистической Республикой Вьетнам

и

Республикой Беларусь

о передаче лиц, осужденных к лишению свободы,

для дальнейшего отбывания наказания

Преамбула

Социалистическая Республика Вьетнам и Республика Беларусь, далее именуемые Договаривающимися Сторонами,

признавая двустороннюю заинтересованность в укреплении эффективного сотрудничества в сфере передачи лиц, осужденных к лишению свободы, для дальнейшего отбывания наказания,

основываясь на принципах национального суверенитета и невмешательства во внутренние дела друг друга,

согласились о нижеследующем:

Статья 1

Определения

Для целей настоящего Соглашения нижеуказанные термины означают:

a) передающая Сторона – Договаривающаяся Сторона, судом которой вынесен приговор об осуждении лица, которое может быть или было передано, к наказанию в виде лишения свободы;

b) принимающая Сторона – Договаривающаяся Сторона, которой лицо, осужденное к лишению свободы, являющееся ее гражданином, может быть передано или было передано для дальнейшего отбывания наказания;

c) осужденный – лицо, осужденное судом передающей Стороны за совершение преступления к наказанию в виде лишения свободы и являющееся гражданином принимающей Стороны;

d) близкие родственники – лица, являющиеся таковыми

в соответствии с законодательством любой из Договаривающихся Сторон;

е) законный представитель – лицо, признанное таковым в порядке, установленном законодательством каждой из Договаривающихся Сторон.

Статья 2

Сфера применения настоящего Соглашения

1. Согласно положениям настоящего Соглашения, а также в соответствии со своим национальным законодательством Договаривающиеся Стороны передают по запросу друг другу осужденных, которые отбывают наказание в виде лишения свободы за совершение преступлений на территории передающей Стороны, для отбывания оставшейся части наказания на территории принимающей Стороны.

2. Запрос о передаче осужденного может исходить как от передающей Стороны, так и от принимающей Стороны.

Статья 3

Основания для возбуждения процедуры передачи осужденного

Основанием для возбуждения процедуры передачи осужденного Договаривающейся Стороне, гражданином которой он является, служит заявление этого лица, его близких родственников, законного представителя или адвоката, направленное центральным органам одной из Договаривающихся Сторон.

Статья 4

Центральные и компетентные органы

1. В целях выполнения настоящего Соглашения Договаривающиеся Стороны осуществляют взаимодействие через свои центральные органы непосредственно.

2. Центральными органами Договаривающихся Сторон являются:

для Социалистической Республики Вьетнам – Министерство общественной безопасности Социалистической Республики Вьетнам;

для Республики Беларусь – Генеральная прокуратура Республики

Беларусь.

3. В случае изменения центрального органа или в случае передачи соответствующих полномочий другому органу Договаривающаяся Сторона оперативно уведомит другую Договаривающуюся Сторону по дипломатическим каналам о таком изменении.

4. Компетентными органами являются органы, надлежащим образом уполномоченные каждой из Договаривающихся Сторон осуществлять определенные действия во исполнение положений настоящего Соглашения.

Статья 5

Условия передачи осужденного

1. Осужденный может быть передан только при соблюдении следующих условий:

a) осужденный является гражданином принимающей Стороны;

b) приговор суда в отношении осужденного вступил в законную силу, и на территории передающей Стороны не ожидается иных судебных разбирательств;

c) на момент получения запроса о передаче срок лишения свободы, который не отбыт осужденным, составляет не менее одного года;

d) имеется письменное согласие осужденного либо в связи с его возрастом, физическим или психическим состоянием, препятствующим свободному волеизъявлению, согласие законного представителя;

e) деяние, за которое лицо осуждено, является преступлением согласно законодательству Договаривающихся Сторон и предусматривает наказание в виде лишения свободы;

f) передающая Сторона и принимающая Сторона согласны на передачу осужденного;

g) возмещен весь ущерб, включая материальный или другой ущерб, и оплачены все иные расходы, связанные с преступлением.

2. В исключительных случаях Договаривающиеся Стороны могут согласиться на передачу осужденного, даже если ему остается отбывать наказание менее одного года или если материальный или другой ущерб и иные расходы, связанные с преступлением, возмещены не в полном объеме.

Статья 6

Основания для отказа в передаче

В передаче может быть отказано в случае, если:

a) любая из Договаривающихся Сторон сочтет, что передача осужденного нанесет ущерб суверенитету, безопасности или общественному порядку либо противоречит ее законодательству;

b) наказание не может быть исполнено на территории принимающей Стороны вследствие истечения срока давности;

c) не соблюдены условия, перечисленные в пункте 1 статьи 5 настоящего Соглашения;

d) на территории принимающей Стороны за совершенное деяние осужденный понес наказание или был оправдан, либо уголовное дело было прекращено, либо лицо освобождено от наказания ответственным органом принимающей Стороны.

Статья 7

Обмен информацией

1. Договаривающиеся Стороны ежегодно либо на основании запросов обмениваются информацией о гражданах Договаривающихся Сторон, осужденных к лишению свободы.

2. Каждая из Договаривающихся Сторон уведомляет дипломатическое представительство (консульское учреждение) другой Договаривающейся Стороны, гражданином которой является осужденный, его законного представителя, адвоката, а также близких родственников об осуждении этого гражданина и месте его нахождения.

3. Договаривающиеся Стороны информируют осужденного, его законных представителей, адвоката, а также близких родственников о положениях настоящего Соглашения и правовых последствиях передачи.

Статья 8

Запрос о передаче осужденного

1. Запрос о передаче осужденного оформляется в письменной форме центральным органом одной из Договаривающихся Сторон.

2. Для рассмотрения вопроса о передаче осужденного центральный орган передающей Стороны направляет центральному

органу принимающей Стороны:

a) сведения о личности осужденного, включая его фамилию, имя, отчество (если таковое имеется), дату и место рождения;

b) документы, подтверждающие гражданство осужденного, если они имеются;

c) текст статей уголовного закона, на основании которого осуждено лицо;

d) письменное согласие осужденного или в случаях, предусмотренных в подпункте "d" пункта 1 статьи 5 настоящего Соглашения, его законного представителя на передачу;

e) копии приговора и всех имеющихся по делу решений судебных органов, документа о вступлении приговора в законную силу;

f) документ об отбытой части наказания и той части наказания, которая подлежит дальнейшему отбыванию, а также о помиловании, амнистии или ином улучшении положения осужденного в соответствии с положениями настоящего Соглашения;

g) медицинское заключение о физическом и психическом состоянии осужденного;

h) сведения о возмещении всего ущерба, включая материальный и другой ущерб, и оплате всех иных расходов, связанных с преступлением, а в случаях, указанных в пункте 2 статьи 5 настоящего Соглашения, – сведения о наличии ущерба, включая материальный и другой ущерб, и иных расходов, связанных с преступлением, размере и порядке их возмещения;

i) документ об исполнении дополнительного наказания, если оно было назначено.

3. Для рассмотрения вопроса о передаче осужденного центральный орган принимающей Стороны направляет центральному органу передающей Стороны:

a) сведения о личности осужденного, включая его фамилию, имя, отчество (если таковое имеется), дату и место рождения;

b) документ, подтверждающий принадлежность осужденного к гражданству принимающей Стороны;

c) текст статей уголовного закона принимающей Стороны, согласно которому действие или бездействие, за совершение которого осуждено лицо, является уголовно наказуемым и влечет за собой наказание в виде лишения свободы;

d) заверенные копии иных документов, прилагаемых по взаимному согласию центральных органов Договаривающихся Сторон.

4. Запрос о передаче осужденного подписывается руководителем или уполномоченным должностным лицом центрального органа соответствующей Договаривающейся Стороны и заверяется гербовой печатью. Другие документы, которые направляются в соответствии с настоящей статьей, должны быть подписаны уполномоченным должностным лицом центрального или компетентного органа Договаривающейся Стороны, который их составляет, и заверены гербовой печатью компетентного органа. Все документы, указанные в настоящем пункте, принимаются и признаются другой Договаривающейся Стороной без какого-либо специального удостоверения.

Статья 9

Проверка добровольности согласия на передачу

1. Передающая Сторона обеспечивает, чтобы лицо, которое дает согласие на передачу в соответствии с подпунктом ”d“ пункта 1 статьи 5 настоящего Соглашения, делало это добровольно и с полным пониманием правовых последствий такого согласия.

2. Принимающая Сторона имеет право удостовериться при помощи консульского должностного лица или другого официального лица, определенного по взаимному согласованию с передающей Стороной, в том, что согласие на передачу осужденного было получено в соответствии с пунктом 1 настоящей статьи.

Статья 10

Ответ на запрос о передаче

1. Центральный орган Договаривающейся Стороны, получивший запрос о передаче осужденного, принимает решение о согласии либо отказе в передаче осужденного и письменно информирует о своем решении осужденного, его близких родственников, законного представителя или адвоката, а также центральный орган другой Договаривающейся Стороны.

2. Решение об отказе в передаче осужденного должно быть мотивированным и может быть принято только в случаях, предусмотренных в статье 6 Соглашения.

Статья 11

Исполнение наказания после передачи

1. Принимающая Сторона обеспечивает продолжение отбывания наказания в соответствии со своим законодательством, не ухудшая положение осужденного. Вопросы, связанные с исполнением приговора этой Стороной, регулируются в соответствии с ее национальным законодательством.

2. Наказание отбывается осужденным на основании приговора суда передающей Стороны. Суд принимающей Стороны исходя из вынесенного приговора принимает решение о его исполнении, определяя в соответствии с национальным законодательством его государства такой же срок лишения свободы, как назначенный по приговору суда передающей Стороны.

3. Решение об исполнении дополнительного наказания принимается судом принимающей Стороны, если такое наказание за совершенное деяние предусмотрено законодательством этого государства. Исполнение неотбытого до передачи осужденного наказания, а также полное или частичное освобождение от наказания после принятия решения об исполнении приговора осуществляется в соответствии с законодательством принимающей Стороны. Принимающая Сторона вправе освободить осужденного от дальнейшего отбывания наказания в случае тяжелой неизлечимой болезни, если это предусмотрено законодательством принимающей Стороны.

4. Если по законодательству принимающей Стороны за данное деяние предельный срок лишения свободы меньше, чем назначенный по приговору, суд принимающей Стороны определяет максимальный срок лишения свободы, предусмотренный законодательством этого государства за такое же деяние.

5. В срок наказания в виде лишения свободы засчитывается срок, отбытый осужденным на территории передающей Стороны.

6. Если приговор суда передающей Стороны относится к двум или более деяниям, из которых одно или несколько не признаются преступлениями на территории принимающей Стороны, суд принимающей Стороны определяет, какая часть наказания применяется к деянию, являющемуся преступлением по законодательству принимающей Стороны.

Статья 12

Компетенция судов

1. Пересмотр приговора в отношении осужденного, переданного

принимающей Стороне, может быть осуществлен только судом передающей Стороны.

2. В случае прекращения уголовного дела по результатам нового расследования по реабилитирующим основаниям или вынесения судом оправдательного приговора копия решения об этом незамедлительно направляется центральному органу принимающей Стороны. Ущерб, причиненный лицу необоснованным привлечением к уголовной ответственности, возмещается передающей Стороной в порядке, установленном законодательством передающей Стороны.

3. Если после передачи осужденного для отбывания наказания приговор изменен судом передающей Стороны, копия решения об этом и другие необходимые материалы направляются центральному органу принимающей Стороны. Суд принимающей Стороны разрешает вопрос об исполнении такого решения в порядке, предусмотренном статьей 11 настоящего Соглашения.

4. Если после передачи осужденного для отбывания наказания приговор отменен и законодательством передающей Стороны предусмотрено новое расследование или судебное разбирательство, то копия решения об этом, материалы уголовного дела и другие материалы после проведения необходимых процессуальных действий в отсутствие осужденного направляются принимающей Стороне для осуществления уголовного преследования по законодательству этой Договаривающейся Стороны.

Статья 13

Помилование, амнистия и смягчение наказания

Каждая из Договаривающихся Сторон может в соответствии со своим законодательством принять решение о помиловании, амнистии или смягчении наказания осужденного, о чем ее центральный орган незамедлительно в письменном виде информирует центральный орган другой Договаривающейся Стороны.

Статья 14

Время, место и способ передачи

1. Передача осужденного осуществляется центральными или компетентными органами Договаривающихся Сторон в соответствии с национальным законодательством.

2. Время, место и порядок передачи осужденного определяются

по согласованию между центральными или компетентными органами Договаривающихся Сторон.

Статья 15

Транзитная перевозка

1. Каждая из Договаривающихся Сторон в соответствии со своим законодательством удовлетворяет запрос о транзитной перевозке осужденного лица по своей территории, если с таким запросом обращается другая Договаривающаяся Сторона, которая достигла договоренности с третьим государством о передаче этого лица.

2. Договаривающаяся Сторона может отказать в транзитной перевозке, если:

a) осужденное лицо является ее гражданином;

b) преступление, за совершение которого назначено наказание, не является таковым в соответствии с ее законодательством.

3. В запросе о транзитной перевозке должны содержаться сведения, предусмотренные подпунктами ”a“ –”g“ пункта 2 и подпунктом ”b“ пункта 3 статьи 8 настоящего Соглашения.

Статья 16

Сведения об исполнении приговора

Принимающая Сторона предоставляет передающей Стороне соответствующую информацию в следующих случаях:

a) если осужденный совершил побег до окончания срока отбывания наказания на территории принимающей Стороны;

b) если передающая Сторона запрашивает сведения о ходе отбывания наказания осужденным;

c) если осужденный условно-досрочно освобожден;

d) если наказание отбыто.

Статья 17

Расходы по передаче и транзиту

Все расходы, связанные с передачей осужденного либо его транзитной перевозкой, кроме тех, которые возникли исключительно на территории передающей Стороны, несет принимающая Сторона, если

Договаривающиеся Стороны не согласились об ином.

Статья 18

Разрешение спорных вопросов

Договаривающиеся Стороны разрешают спорные вопросы, которые могут возникнуть в связи с толкованием и применением положений настоящего Соглашения, путем консультаций и переговоров между своими центральными органами и (или) по дипломатическим каналам.

Статья 19

Язык

1. Взаимодействие между центральными органами Договаривающихся Сторон осуществляется на английском языке.

2. Запрос о передаче и прилагаемые к нему документы составляются на языке запрашивающей Договаривающейся Стороны. К указанным документам прилагается заверенный перевод на государственный язык запрашиваемой Договаривающейся Стороны или на английский язык. Ответ на запрос о передаче и прилагаемые к нему документы составляются на языке запрашиваемой Договаривающейся Стороны. К указанным документам прилагается перевод на английский язык. Указанные документы не требуют легализации.

Статья 20

Обратная сила

Положения настоящего Соглашения применяются также к лицам, осужденным судами Договаривающихся Сторон, и к запросам, направленным до вступления в силу настоящего Соглашения.

Статья 21

Внесение изменений

По взаимному согласию Договаривающихся Сторон в настоящее Соглашение могут вноситься необходимые изменения, которые являются неотъемлемой частью настоящего Соглашения и оформляются отдельным протоколом, заключаемым в соответствии с процедурой, предусмотренной в статье 22 настоящего Соглашения.

Статья 22

Заключительные положения

1. Настоящее Соглашение заключается на неограниченный срок и вступает в силу с даты получения по дипломатическим каналам последнего письменного уведомления о выполнении Договаривающимися Сторонами внутригосударственных процедур, необходимых для его вступления в силу.

2. Настоящее Соглашение прекращает свое действие по истечении 180 дней с даты получения по дипломатическим каналам одной Договаривающейся Стороной письменного уведомления от другой Договаривающейся Стороны о намерении прекратить действие настоящего Соглашения.

3. Прекращение действия настоящего Соглашения не затрагивает обязательств Договаривающихся Сторон по выполнению запросов о передаче осужденных, направленных в период действия настоящего Соглашения.

Совершено в городе Ханое 8 декабря 2023 года в двух экземплярах на вьетнамском, русском и английском языках, причем все тексты являются аутентичными. В случае возникновения разногласий в толковании положений настоящего Соглашения преимущественную силу имеет текст на английском языке.

За Социалистическую Республику Вьетнам

За Республику Беларусь

AGREEMENT
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC
OF VIET NAM
AND
THE REPUBLIC OF BELARUS
ON THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS
FOR FURTHER SERVING OF SENTENCE

Preamble

The Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Belarus, hereinafter referred to as "Contracting Parties",

Recognizing the bilateral interest to strengthening of the effective cooperation in the field of transferring the sentenced persons, for further serving of sentence,

Based on the principles of national sovereignty and non-intervention in internal affairs of each other,

Have agreed as follows:

Article 1
Definitions

For the purpose of this agreement the following terms mean:

a) Transferring Party means the Contracting Party, whose courts have passed the sentence of deprivation of liberty to the sentenced persons who may be, or has been, transferred;

b) Receiving Party means the Contracting Party, to which the sentenced person, who is its national, may be or has been transferred in order to serve the rest of his/her sentence;

c) Sentenced Person means the person who has been sentenced to the punishment of deprivation of liberty by the court of the Transferring Party for the commitment of a crime, who is the national of the Receiving Party;

d) Close Relatives means as defined in the law of one of the Contracting Parties;

e) Legal Representative means the person who is recognized as legal representative in the way defined in the law of either of the Contracting Parties.

Article 2
The Scope of the Agreement

1. According to the provisions of this Agreement and subject to the domestic laws of Contracting Parties, either of the Contracting Parties shall transfer at the request to each other the sentenced persons who have been serving their imprisonment sentence for having committed a crime at the territory of the Transferring Party to serve the rest of their sentence in the Receiving Party.

2. The request of transfer of the sentenced person may be sent both by the Transferring Party and the Receiving Party.

Article 3
Grounds for the Initiation of the Procedure of Transfer of the Sentenced Person

The request of sentenced person, his/her close relatives, legal representative or lawyer sent to Central Authorities of any of the Contracting Parties shall be the grounds for the initiation of procedure of transfer of the sentenced person to the Contracting Party whose nationality he/she possesses.

Article 4
Central and Competent Authorities

1. In order to exercise this Agreement, the Contracting Parties shall cooperate through their Central Authorities directly.

2. The Central Authorities of the Contracting Parties shall be:

For the Socialist Republic of Viet Nam: the Ministry of Public Security of the Socialist Republic of Viet Nam;

For the Republic of Belarus: the General Prosecutor's Office of the Republic of Belarus.

3. In case of any change of the Central Authority or in case of transfer of the relevant powers to another authority the Contracting Party shall promptly notify the other Contracting Party through diplomatic channels of such change.

4. The Competent Authorities are the authorities duly authorized by each of the Contracting Parties to take certain actions to implement

provisions of this Agreement.

Article 5
Conditions for Transfer of a Sentenced Person

1. A sentenced person can be transferred only in compliance with the following conditions:

a) if the sentenced person is a national of the Receiving Party;

b) if the sentence towards the sentenced person is final and binding and no legal proceedings are pending in the territory of the Transferring Party;

c) if the remaining period of serving the punishment by the sentenced person is at least 1 year at the time of receipt of the request for transfer;

d) if there is a written consent of the sentenced person, or in view of his/her age, physical or mental conditions which prevent his/her free will there is a consent of his/her legal representative;

e) if the act for which the person has been convicted constitutes an offence in accordance with the legislation of the Contracting Parties and provides the punishment of deprivation of liberty;

f) if both the Transferring Party and the Receiving Party agree with the transfer of the sentenced person;

g) if all the damages including financial or other damages have been covered and all the other expenses related to the offence are paid.

2. In exceptional cases the Contracting Parties may agree to transfer the sentenced person even if the remaining period of serving his/her punishment is less than 1 year or if the financial or other damage and other expenses related to the offence have not been reimbursed to the full extent.

Article 6
Grounds for denial of the sentenced person's transfer

The transfer may not be granted if:

a) either of the Contracting Parties considers that the transfer of the sentenced person prejudices its sovereignty, security or public order or it is in contradiction with the laws of the mentioned party;

b) the punishment can not be executed in the Receiving Party due to the statute of limitations expiration;

c) the conditions of the paragraph 1 of Article 5 of the Agreement are not fulfilled;

d) at the territory of the Receiving Party the Sentenced Person has served the sentence for committing the action or was acquitted or criminal proceeding was eliminated or the person was released from punishment by the responsible authority of the Receiving Party.

Article 7
Exchange of Information

1. The Contracting Parties shall exchange the information about the situation of sentenced persons being the nationals of each other annually or when requested.

2. Each Contracting Party informs to the diplomatic representative office (the consular office) of the other Contracting Party whose national is the sentenced person, his/her legal representative and lawyer, as well as close relatives about his/her conviction and location.

3. The Contracting Parties shall inform the sentenced person, his/her legal representatives and lawyer, as well as close relatives about the provisions of this Agreement and legal consequences of the transfer.

Article 8
Request for Transfer of Sentenced Person

1. The request for transfer of the sentenced person is made in written form by the Central Authority of any of the Contracting Parties.

2. To consider the issue regarding the transfer of the sentenced person the Central Authority of the Transferring Party shall send to the Central Authority of the Receiving Party the following:

a) the information about sentenced person, including his/her name and surname, father's name (if there is any), date and place of birth;

b) the documents confirming the nationality of the sentenced person, if there are any of them;

c) the texts of the Articles of the criminal law upon which the sentence is based;

d) the written consent for the transfer made by the sentenced person or his/her legal representatives in accordance with the subparagraph "d" of the paragraph 1 of the Article 5 of this Agreement;

e) copies of the sentence and all the court rulings on the case, as well as of the document confirming the putting of the sentence into force;

f) the document about the served part of the punishment and the remaining period of the punishment as well as the pardon, amnesty, or other

improvement of the status of the sentenced person in accordance with the provisions of this Agreement;

g) medical certificate on physical and mental status of the sentenced person;

h) information about the reimbursement of all the damages including financial or other damages and the covering of all other expenses related to the offence as well as in cases provided for paragraph 2 of Article 5 of the present Agreement information about the existence of damage including financial or other damages and other expenses related to the offence, their amount and the procedure of reimbursement;

i) the document on the execution of the additional penalty, if it was imposed.

3. In order to provide the consideration of the request for the transfer of the sentenced person, the Central Authority of the Receiving Party shall provide the Central Authority of the Transferring Party with the following documents:

a) information about the personality of the sentenced person including surname, name, patronymic or father's name (if there is any), date and place of birth;

b) the document confirming that the sentenced person is a national of the Receiving Party;

c) the texts of the Articles of the criminal law of the Receiving Party according to which the action or inaction, for which the sentenced person has been sentenced, constitutes an offence and involves the punishment of deprivation of liberty;

d) vidimuses of other documents which are attached under mutual consent of the Central Authorities of the Contracting Parties.

4. The request for the transfer of the sentenced person shall be signed by the head or authorized official of the Central Authority and stamped by the official seal. All other documents, which are provided in accordance with this Article, shall be signed by the authorized official of the Central or Competent Authority of the Contracting Party, which has issued them, and stamped by the official seal of the Competent Authority. All the documents referred in this paragraph shall be accepted and recognized by the other Contracting Party without any further certification.

Article 9
Verification of Voluntariness of the Consent for the Transfer

1. The Transferring Party shall ensure that the person who expresses

the consent for the transfer in accordance with the subparagraph "d" of the paragraph 1 of the Article 5 of this Agreement does it voluntarily and with full understanding of legal consequences of this consent.

2. The Receiving Party is entitled to ascertain through its consul or other official, determined by the mutual consent with the Transferring Party that the consent on the transfer of the sentenced person has been obtained in accordance with paragraph 1 of this Article.

Article 10
The Response to the Request for Transfer

1. The Central Authority of the Contracting Party which receives the request for the transfer of the sentenced person shall make the decision about the consent or refuse to transfer the sentenced person and shall inform about its decision in written form the sentenced person, his/her legal representatives or close relatives or lawyer as well as the Central Authority of the other Contracting Party.

2. The decision about the refuse to transfer the sentenced person must be reasoned and can be made only in the cases provided for in the Article 6 of the Agreement.

Article 11
Enforcement of Sentence after the Transfer

1. The Receiving Party shall be obliged to continue the enforcement of the sentence subject to its laws without worsening the state of the sentenced person. The issues related to the enforcement of the sentence by that Party shall be governed in accordance with its domestic laws.

2. The punishment shall be served by the sentenced person on the basis of the sentence issued by the court of the Transferring Party. The court of the Receiving Party, basing on the issued sentence, shall make a decision on its execution, imposing in accordance with its domestic laws the same term of imprisonment as was imposed by the sentence of the court of the Transferring Party.

3. The decision on the execution of an additional penalty shall be made by the court of the Receiving Party when such penalty is stipulated by the laws of this state for the committed act. Execution of the penalty which has not been served before the transfer of the sentenced person as well as full or partial release from penalty after making the decision about the sentence execution shall be carried out in accordance with the laws of the Receiving Party. The Receiving Party has the right to release the sentenced person from the further serving the penalty in case of grave incurable illness if it is

provided for in the laws of the Receiving Party.

4. If the punishment for the committed offence in the Receiving Party is less than the punishment stipulated in the issued judgment, the Receiving Party shall, through its competent court, determine the maximum punishment according to its domestic law.

5. The term of punishment served by the sentenced person in the Transferring Party shall be included in the total term of his/her punishment.

6. If the sentence of the court of the Transferring Party concerns two or more actions, one or several of which do not constitute the offences in the Receiving Party, the court of the Receiving Party determines which part of the punishment shall be applied to the action which constitutes the offence under the legislation of the Receiving Party.

Article 12
The Competence of the Courts

1. The review of the sentence of the sentenced person transferred to the Receiving Party can be done only by the court of the Transferring Party.

2. In case of termination of the criminal case in accordance with the results of the new investigation based on the exonerative grounds or with the verdict of "not guilty" passed by court, the Central Authority of the Receiving Party is provided with the copy of the decision thereon without any delay. All the damage caused to the sentenced person with the groundless arraignment shall be compensated by the Transferring Party in the way defined in the law of the Transferring Party.

3. If the sentence is altered by the court of the Transferring Party after the completion of transfer of sentenced person for further serving of sentence, the copy of this decision and all other important documents shall be sent to Central Authority of the Receiving Party. The court of the Receiving Party decides on the enforcement of this decision according to the procedure provided in Article 11of this Agreement.

4. When after the transfer of the sentenced person for serving the term of the penalty the sentence is reversed and the laws of the Transferring Party provide for a new investigation or court procedure, after carrying out the necessary procedural acts in the absence of the sentenced person the copy of the decision thereon and the documents of the criminal case and other documents shall be sent to the Receiving Party to carry out prosecution subject to the laws of this Contracting Party.

Article 13
Pardon, Amnesty and Commutation

Either of the Contracting Parties is entitled in accordance with its national legislation to grant pardon, amnesty or commutation to the sentenced person. The Central Authority of this Contracting Party immediately informs the Central Authority of the other Contracting Party about this decision in written form.

Article 14
Time, Place and the Method of Transfer

1. The transfer of the sentenced person shall be conducted by the Central or Competent Authorities of the Contracting Parties in accordance with national legislation.

2. Time, place and method of the transfer of the sentenced person shall be defined by the Central or Competent Authorities of the Contracting Parties by their mutual consent.

Article 15
Transit

1. Each of the Contracting Parties in accordance with its legislation grants a request for the transit of a sentenced person through its territory, if such a request is made by another Contracting Party that has reached an agreement with a third state on the transfer of this person.

2. A Contracting Party may refuse transit if:

a) the sentenced person is its national;

b) the act for which the punishment is imposed does not constitute an offence under its law.

3. The request for transit must contain the information provided for in subparagraphs "a" - "g" of paragraph 2 and subparagraph b of paragraph 3 of Article 8 of this Agreement.

Article 16
Information on Enforcement of Sentence

The Receiving Party shall provide the Transferring Party with the corresponding information in the following cases:

a) if the sentenced person has escaped from custody before completion of the enforcement of the sentence in the territory of the Receiving Party;

b) if the Transferring Party requests the information about the process of serving punishment by the sentenced person;

c) if the sentenced person is paroled with some conditions;

d) if the sentence has been served.

Article 17
Transfer and Transit Expenses

All expenses related to the transfer or the transit of the sentenced person except for those that arose exclusively on the territory of the Transferring Party shall be covered by the Receiving Party and unless otherwise agreed by Contracting Parties.

Article 18
Settlement of Disputes

Any dispute in interpretation or application of the provisions of this Agreement shall be settled by the means of consultation and amicably negotiation between the Central Authorities of the Contracting Parties and/or through the diplomatic channels.

Article 19
Language

1. Language of contact between the Central Authorities of the Contracting Parties shall be English.

2. The request for transfer and the accompanying documents shall be draw up in the language of the requesting Contracting Party. These documents shall be accompanied with the certified translation into the state language of the requested Contracting Party or into the English language. The response to the request for transfer and the accompanying documents shall be draw up in the language of the requested Contracting Party and shall be attached the translation in the English language. These documents do not require legalization.

Article 20
Retroactivity

Provisions of this Agreement shall also be applicable to the sentenced persons who were sentenced by the courts of the Contracting Parties and the requests were sent prior to its entry into force.

Article 21
Amendments

This Agreement may be amended under the mutual consent of the Contracting Parties. This amendment shall constitute the integral part of this Agreement and shall be made in a separate protocol concluded according to the procedure envisaged in Article 22 of this Agreement.

Article 22
Final provisions

1. This Agreement shall be concluded for an indefinite term and enters into force at the date of receipt via diplomatic channels of the last written notification on the completion by the Contracting Parties of all internal state procedures necessary for its entering into force.

2. This Agreement shall be terminated after 180 days from the date on which either Contracting Party receives written notification from the other Contracting Party through diplomatic channels of its intention to terminate this Agreement.

3. The termination of this Agreement shall not affect the obligations of the Contracting Parties in fulfillment of the requests for the transfer of the sentenced persons which were made during the validity period of this Agreement.

DONE in Hà Nội on the date of 08 December 2023 in duplicate in Vietnamese, Russian and English, all texts being authentic. In case of divergence in interpretation of the provisions of this Agreement, the English text shall prevail.

For the Socialist Republic of Viet Nam

Major General NGUYEN VAN LONG
Deputy Minister of Public Security

For the Republic of Belarus

Mr. YURY NAZARANKA
First Deputy Minister
of the Internal Affairs